

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẾN Số: 633H.....
Ngày: 15/5/2025
Chuyển: NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU¹
Số và ký hiệu HS:

Số: 02-TBVS/PHT/2025

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK

Người nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚC HUNG THỊNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0914086666

Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại ²	Đặc tính kỹ thuật ³	Xuất xứ, Nhà sản xuất ⁴	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu
1	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu một khối - CL/BC19 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước: (660x420x660) mm Kiểu CL1-5A	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	10 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025
2	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu một khối - CL/BC21 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước (700x370x650) mm Kiểu CL1-5A	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	5 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025
3	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu một khối - CL/BC22 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước: (85x380x775) mm Kiểu CL1-7A	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	3 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025
4	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu điện - CL/BC23 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước: (680x420x520) mm Kiểu CL2-5	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	30 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025
5	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu điện - CL/BC24 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước: (680x395x515) mm Kiểu CL2-5	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	30 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025
6	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột Bồn cầu điện - CL/BC25	Chất liệu sứ Kích thước: (680x420x520) mm	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY	30 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025

¹ Điền đầy đủ thông tin Giấy đăng ký này (có thể chưa có Giấy chứng nhận hợp quy nếu đang chờ tổ chức chứng nhận thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp).² Ghi đầy đủ tên hàng hóa, kiểu, loại phù hợp với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy theo QCVN 16:2023/BXD.³ Ghi đầy đủ các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, đảm bảo đầy đủ thông số làm căn cứ kiểm tra, đối chiếu sự phù hợp theo QCVN 16:2023/BXD.⁴ Ghi tên công ty sản xuất, nước sản xuất, làm cơ sở xác định sự phù hợp so với sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy và đối chiếu nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Khoản 14 Điều 3 – Luật Thương mại. Lưu ý: hồ sơ nhập khẩu phải kèm theo tài liệu chứng minh nhà sản xuất theo quy định.

	Hiệu: CASALUX	Kiểu CL2-5	CO., LTD			
7	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt Bồn cầu điện - CL/BC26 Hiệu: CASALUX	Chất liệu sứ Kích thước: (700x390x450) mm Kiểu CL2-5	Trung Quốc/GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD	30 Cái	Cảng Cát Lái	15/05/2025

Địa chỉ tập kết hàng hóa: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Hợp đồng (Contract) (nếu có) số: PHT-CC 02/25 ngày 08/04/2025

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có): ZRC250405 ngày 06/04/2025

- **Giấy chứng nhận hợp quy:** Số 26155-QRCM-III do CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL cấp ngày: 10/04/2025, có hiệu lực đến ngày: 09/04/2028 tại: Hà Nội;

Kết quả thử nghiệm: số 2488-K4/1660/KT2-HC2; 2490-K4/1660/KT2-HC2 ; 2491-K4/1660/KT2-HC2 ; 2492-K411 660/KT2-HC2; 2493-K4/1660/KT2-HC2; 2494-K4116601KT2-HC2; 2495-K4/1660/KT2-HC2; do TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2 cấp ngày: 09/04/2025 tại: Đà Nẵng

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số:

do cấp ngày:/...../..... tại:

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số: ZRC250405 ngày 06/04/2025

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số: SKHCM2505129 ngày 12/05/2025

- **Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số:** 10718163832 ngày/05/2025

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: 02251416490000471 ngày 13/05/2025

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có): ngày

- **Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).**

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD và tiêu chuẩn công bố áp dụng TCVN 12649:2020 (đối với sản phẩm bệ xí bệt)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK

Vào sổ đăng ký:

Số/SXD-KT&VLXD

Ngày.....tháng.....năm 2025

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

BMT, ngày 15 tháng 05 năm 2025

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)⁵

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Dương Hiến Quang

⁵ Trường hợp Giấy đăng ký không phải do người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu, phải có văn bản ủy quyền hợp lệ theo quy định (bản chính, hoặc bản sao y chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, hoặc bản sao mang theo bản chính để đối chiếu).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 6001386364

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 06 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 26 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HUNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 02623516516

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: DƯƠNG HIỂN QUANG

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 066067001071

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 148 Lê Duẩn, Phường Tân Thành, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 148 Lê Duẩn, Phường Tân Thành, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Xuân

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT CHAOZHOU, CHINA. TEL: 0768-6933555		Serial No.: CCPIT64902250001586 Reference No.: 02251416490000471 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E  THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Overleaf Notes			
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY SUB-QUARTER 4, THANH NHAT WARD, BUON MA THUOT CITY, DAK LAK PROVINCE, VIETNAM TAX CODE: 6001386364 REPRESENTED BY: MR. DUONG HIEN QUANG-DIRECTOR TELL: +84 947 69 05 06 (MR. QUANG DUONG) / +84 935 75 08 08 (MS.					
3. Means of transport and route (as far as known) FROM SHENZHEN (SHEKOU PORT), CHINA TO HO CHI MINH PORT, VIETNAM BY SEA Departure date MAY.12.2025 Vessel's name / Aircraft etc. GREEN CLARITY 0088-118A Port of Discharge HO CHI MINH PORT, VIETNAM		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	MADE IN CHINA	EIGHTEEN (18) CARTONS OF ONE-PIECE TOILET HS Code: 691010	PE	G.WEIGHT 956 KGS	ZRC250405 MAY.08.2025
2		ONE HUNDRED AND TWENTY (120) CARTONS OF ELECTRIC TOILET HS Code: 691010 TOTAL: 138 CARTONS ONLY. SALES CONTRACT NO. PHT-CC 02/25 ***	PE	G.WEIGHT 5070 KGS	
BẢN SAO  GIÁM ĐỐC Đường Hiền Quang					
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA (Country) and that they conform to the requirements specified for these products in the Rules of Origin for the products exported to (Importing Country)  CHAOZHOU, CHINA MAY 12, 2025 Place and date, signature of authorized signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  ADDRESS: 5F, Xiangqiao District Social Security Building, 1st Floor, San Sheng Chai Wing Road, Chaozhou FAX: 0768-2221650 TEL: 0768-2221550 CHAOZHOU, CHINA MAY 13, 2025 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Involving					



OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):
- | | | |
|-------------------|-------------|-----------|
| BRUNEI DARUSSALAM | CAMBODIA | CHINA |
| INDONESIA | LAOS | MALAYSIA |
| MYANMAR | PHILIPPINES | SINGAPORE |
| THAILAND | VIETNAM | |
2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:
- must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).
3. **ORIGIN CRITERIA:** For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MOVEMENT CERTIFICATE:** In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. **THIRD PARTY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. **EXHIBITIONS:** In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. **ISSUED RETROACTIVELY:** In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".



Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

0718163832

Số tờ khai 107181638320 Số tờ khai đầu tiên / Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 6910
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng Mã loại hình A11 2 [4] Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Mã phân loại kiểm tra HQBMTHUOT Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Ngày thay đổi đăng ký / /
Ngày đăng ký / /

Người nhập khẩu
Mã 6001386364
Tên CÔNG TY CP THUONG MAI PHUC HUNG THINH

BẢN SAO

Mã bưu chính (+84) 43
Địa chỉ Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Số điện thoại 02623 516 516

Người ủy thác nhập khẩu
Mã
Tên

Người xuất khẩu
Mã
Tên GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Mã bưu chính
Địa chỉ XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE
CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA
Mã nước CN



GIÁM ĐỐC

Trương Văn Quang

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan	Mã nhân viên Hải quan
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho 02CIS01 TONG CTY TAN CANG SG
1 120525SKHCM2505129	Địa điểm dỡ hàng VNCLI CANG CAT LAI (HCM)
2	Địa điểm xếp hàng CNSHK SHEKOU
3	Phương tiện vận chuyển 9999 GREEN CLARITY/ 0083-116B
4	Ngày hàng đến 15/05/2025
5	Ký hiệu và số hiệu
Số lượng 138 CT	Ngày được phép nhập kho đầu tiên
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 6.026 KGM	Mã văn bản pháp quy khác MO
Số lượng container 1	

Số hóa đơn A - ZRC250405
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành 08/05/2025
Phương thức thanh toán TTR
Tổng trị giá hóa đơn A - FOB - USD - 14.015
Tổng trị giá tính thuế 366.676.850
Tổng hệ số phân bổ trị giá 14.015 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu	
1 -	2 -
4 -	5 -

Mã phân loại khai trị giá 6
Khai trị giá tổng hợp - -
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển A - VND - 5.230.000
Phí bảo hiểm D - -
Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ
1 - - -
2 - - -
3 - - -
4 - - -
5 - - -

Chi tiết khai trị giá
12052025#&. Hàng hóa có CO FORM E số: 02251416490000471 ngày 13/05/2025.

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng				
1 N Thuê NK	55.001.528 VND	7	Tổng tiền thuế phải nộp	88.735.798 VND		
2 V Thuê GTGT	33.734.270 VND	7	Số tiền bảo lãnh	VND		
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD	-	25.790
4	VND					
5	VND					
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế	1
			Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế	A
Tổng số trang của tờ khai			9	Tổng số dòng hàng của tờ khai		
				7		

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2	[4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Số đính kèm khai báo điện tử	1	-	2	-	3
Phần ghi chú	Ktra TT tại công ty (nếu có). MĐĐ:40BCC70.Tuyến đường từ SG-DakLak				

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng
------------------------------------	--------------------------

Phân loại chỉ thị của Hải quan	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan	
Ngày khai báo nộp thuế	/ /
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến	/ /	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế				

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/	/

<01>
Mã số hàng hóa 69101000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa Bồn cầu một khối, bằng sứ, kết liền, màu trắng, có nắp bằng nhựa, Kích thước (D×R×C): (660×420×660) mm.Hàng CASALUX, mã CL/BC19. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	10	PCE
Trị giá hóa đơn	440	Số lượng (2)	10	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	44 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	11.511.795,5048	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	1.151.179,55048 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	1.726.769,3257	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	13.238.564,8305	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	1.059.085,1864	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất			/ /

<02>

Mã số hàng hóa	69101000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Bồn cầu một khối, bằng sứ, kết liền, màu trắng, có nắp bằng nhựa, Kích thước (DxRxH): (700x370x650) mm.Hãng CASALUX, mã CL/BC21. Hàng mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	5	PCE
Trị giá hóa đơn	217,5	Số lượng (2)	5	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	43,5 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	5.690.489,8234	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	1.138.097,96468 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	853.573,4735	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	6.544.063,2969	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	523.525,0638	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất			/ /

<03>
Mã số hàng hóa 69101000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa Bồn cầu một khối, bằng sứ, kết liền, màu trắng, có nắp bằng nhựa, Kích thước (DxRxC): (685x380x775)mm.Hãng CASALUX, mã CL/BC22. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	3	PCE
Trị giá hóa đơn	127,5	Số lượng (2)	3	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	42,5 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	3.335.804,3792	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	1.111.934,793067 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	500.370,6569	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	3.836.175,0361	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	306.894,0029	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất			/ /

<04>

Mã số hàng hóa	69101000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Bồn cầu điện, bằng sứ, kết liền, màu trắng, có nắp bằng nhựa, có chức năng đóng mở nắp, xả và rửa tự động. Kích thước (DxRx C): (680x420x520)mm. Hãng CASALUX, mã CL/BC23. Hàng mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	30	PCE
Trị giá hóa đơn	2.910	Số lượng (2)	30	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	97 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	76.134.829,3614	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	2.537.827,64538 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	11.420.224,4042	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	87.555.053,7656	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	7.004.404,3012	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất			/ /

<05>			
Mã số hàng hóa	69101000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Bồn cầu điện,bằng sứ,kết liền,màu trắng,có nắp bằng nhựa,có chức năng đóng mở nắp, xả và rửa tự động.Kích thước (DxRx C): (680x395x515) mm.Hãng CASALUX, mã CL/BC24. Hàng mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	30	PCE
Trị giá hóa đơn	3.810	Số lượng (2)	30	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	127 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	99.681.683,8031	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	3.322.722,793437 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	14.952.252,5705	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB235
	Trị giá tính thuế	114.633.936,3736	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	9.170.714,9099	VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất			/ /

<06>
Mã số hàng hóa 69101000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa Bồn cầu điện,bằng sứ,kết liền,màu trắng,có nắp bằng nhựa,có chức năng đóng mở nắp, xả và rửa tự động.Kích thước (DxRxC): (680x420x520) mm.Hãng CASALUX, mã CL/BC25. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	30	PCE
Trị giá hóa đơn	3.030	Số lượng (2)	30	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	101 - USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	79.274.409,9536	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	2.642.480,331787 - VND - PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	11.891.161,493	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	91.165.571,4466	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	7.293.245,7157	VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Bản xác nhận nội dung tờ khai hàng hóa nhập khẩu<In thử>

Số tờ khai	107181638320	Số tờ khai đầu tiên	/				
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra		Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6910	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQBMTHUOT				Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	/ /	Ngày thay đổi đăng ký	/ /			Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

<07>

Mã số hàng hóa69101000Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận giá []

Mô tả hàng hóaBồn cầu điện,bằng sứ,kết liền,màu trắng,có nắp bằng nhựa,có chức năng đóng mở nắp, xả và rửa tự động.Kích thước (DxRxC): (700x390x450) mm.Hãng CASALUX, mã CL/BC26. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh			Số lượng (1)	30	PCE
Trị giá hóa đơn			3.480	Số lượng (2)	30 PCE
Thuế nhập khẩu			Đơn giá hóa đơn 116 - USD PCE		
Trị giá tính thuế (S)	91.047.837,1745	VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	3.034.927,905817 - VND	- PCE
Thuế suất	C 15%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ		
Số tiền thuế	13.657.175,5762	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -					
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB235
	Trị giá tính thuế	104.705.012,7507	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	8.376.401,0201		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

By:

GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO.,LTD

XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT CHAOZHOU, CHINA. TEL:0768-6933555

INVOICE

BẢN SAO

TO: PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY
SUB-QUARTER 4, THANH NHAT WARD, BUON MA THUOT CITY,
DAK LAK PROVINCE, VIETNAM
TAX CODE: 6001386364
REPRESENTED BY: MR.DUONG HIEN QUANG-DIRECTOR
TELL: +84 947 69 05 06 (MR. QUANG DUONG) / +84 935 75 08 08 (MS.
DUNG DUONG)

NUMBER: ZRC250405

DATE: May.8,2025



LOADING PORT: SHEKOU,CHINA

DISCHARGE PORT: HO CHI MINH, VIETNAM

CONTAINER/SEAL: FTAU1751325/EMCRNJ9033

GIÁM ĐỐC
Dương Hiến Quang

MARK & NUMBER	DESCRIPTION	PCS	CTNS	PRICE	AMOUNT
N/M	SANITARY WARE			(USD)	(USD)
				FOB	
	CL/BC19-ONE PIECE TOILET	10	10	44.0	440.0
	CL/BC21-ONE PIECE TOILET	5	5	43.5	217.5
	CL/BC22-ONE PIECE TOILET	3	3	42.5	127.5
	CL/BC23-ELECTRIC TOILET	30	30	97.0	2910.0
	CL/BC24-ELECTRIC TOILET	30	30	127.0	3810.0
	CL/BC25-ELECTRIC TOILET	30	30	101.0	3030.0
	CL/BC26-ELECTRIC TOILET	30	30	116.0	3480.0
TOTAL		138	138		14015.0

GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO.,LTD

OUR BANK INFORMATION:

BANK: INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF CHINA, CHAOZHOU BR.

ADDRESS:MIDDLE OF CHAOZHOU AVENUE, CHAOZHOU, GUANGDONG, CHINA

SWIFT: ICBKCNBJGDC

BENEFICIARY: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO.,LTD

ADDRESS:XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT CHAOZHOU

A/C NO.:2004024009114111609





Vinacontrol CE®

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

CERTIFICATE



Số/ No.: 26155-QRCM-III

Chứng nhận sản phẩm
This is to certify that the product



Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt

Sanitary appliances - WC pans

GIÁM ĐỐC
Dương Hiến Quang

Kiểu loại: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm
Types: See details in the attached appendix

Nhãn hiệu/ Trademark: CASALUX

Được sản xuất bởi/ Manufactured by:

GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD

Địa chỉ/Address: XIECUOFEN, FUZHONG VILLAGE, GUXIANG TOWN,
CHAO'AN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA

và được nhập khẩu bởi/ and imported by:

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Head office: Residential Group 4, Thanh Nhat Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province, Vietnam

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/ conforms to the technical regulation:

QCVN 16:2023/BXD

và được phép sử dụng dấu hợp quy/ and can bear the technical-regulation conformity mark

Phương thức chứng nhận/ Certification mode: Phương thức 5/Mode no. 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ/ Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012; Circular No. 02/2017/TT-BKHCN dated 31/03/2017 amendment, supplement to certain articles of Circular No. 28/2012/TT-BKHCN of the Ministry of Science and Technology)

Ngày ban hành/ Date issued: 10/04/2025

Hiệu lực đến ngày/ Valid up to date: 09/04/2028

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol
Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng chứng nhận
The Chairman of the Certification Board

PHAN VĂN HÙNG



ĐỖ THỊNH THẮNG

**CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ
KIỂM ĐỊNH VINACONTROL**

Số: 26155-QRCM-III/QĐ-VNCE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận sản phẩm **Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt**
phù hợp với **QCVN 16:2023/BXD**

GIÁM ĐỐC

Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol

- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 1198/QĐ-BXD – Quyết định về việc chỉ định tổ chức chứng nhận ngày 16/12/2024;
- Căn cứ Báo cáo đánh giá quá trình sản xuất ngày 14/03/2025
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá của Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol ngày 10/04/2025,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Giấy chứng nhận số **26155-QRCM-III** ngày **10/04/2025** về chứng nhận sản phẩm **Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt** phù hợp với **QCVN 16:2023/BXD** với các kiểu loại ghi trong phụ lục chứng nhận kèm theo được sản xuất bởi **GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD** và được nhập khẩu bởi **CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH**.

Điều 2. Hiệu lực chứng nhận: từ ngày **10/04/2025** đến ngày **09/04/2028** trên cơ sở được đánh giá giám sát định kỳ hàng năm.

Điều 3. **CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH** có trách nhiệm đảm bảo sử dụng tài liệu chứng nhận theo quy định của pháp luật và theo Quy định sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm (RG.02) cho hoạt động được Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol chứng nhận.

Điều 4. Trưởng phòng Chứng nhận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổ chức được chứng nhận;
- Lưu hồ sơ chứng nhận.



Giám Đốc

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thịnh Thắng



PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN

(Kèm theo giấy chứng nhận đã cấp số: 26155-QRCM-III ngày 10/04/2025)

Nhà máy sản xuất: **GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD - XIECUOFEN, FUZHONG VILLAGE, GUXIANG TOWN, CHAO'AN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA**

Tên đơn vị nhập khẩu: **CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH**

Địa chỉ đơn vị nhập khẩu: **Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam**

CHUẨN MỰC: **QCVN 16:2023/BXD**
CHỨNG NHẬN:

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN:

STT	Tên sản phẩm theo chuẩn mực	Tên thương mại / Kiểu loại sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Nhãn hiệu thương mại
1	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu một khối - CL/BC19	Chất liệu sứ Kích thước: (660x420x660) mm Kiểu CL1-5A	CASALUX
2	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu một khối - CL/BC20	Chất liệu sứ Kích thước: (696x427x738) mm Kiểu CL1-7A	CASALUX
3	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu một khối - CL/BC21	Chất liệu sứ Kích thước: (700x370x650) mm Kiểu CL1-5A	CASALUX
4	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu một khối - CL/BC22	Chất liệu sứ Kích thước: (685x380x775) mm Kiểu CL1-7A	CASALUX
5	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu điện - CL/BC23	Chất liệu sứ Kích thước: (680x420x520) mm Kiểu CL2-5	CASALUX
6	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt	Bồn cầu điện - CL/BC24	Chất liệu sứ Kích thước: (680x395x515) mm Kiểu CL2-5	CASALUX





7	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột	Bồn cầu điện - CL/BC25	Chất liệu sứ Kích thước: (680x420x520) mm Kiểu CL2-5	CASALUX
8	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bột	Bồn cầu điện - CL/BC26	Chất liệu sứ Kích thước: (700x390x450) mm Kiểu CL2-5	CASALUX

NGÀY CHỨNG NHẬN: Ngày 10 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Đỗ Đình Cường





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2488-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BÔNG CÀU MỘT KHỐI CL/BC19, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (660x420x660) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
01.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu xi bột còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P = 4kN$; $t = 01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bệ xi	cm ²	100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
b)	Xả 50 viên bi nhựa	%	Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh	-	Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước	-		
e)	Thế tích xả sau + Thế tích xả đầy thực tế	Lít	5,0	-
	+ Thế tích xả sau	Lít	2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bộ xi bột kiểu loại CL1-5A.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH**

Hà Phước Thanh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2489-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BỒN CẦU MỘT KHỐI CL/BC20, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (696x427x738) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
02.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu sứ bột còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P=4kN$; $t=01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bể xi	cm ²	100 Thoát hết giấy	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
b)	Xả 50 viên bi nhựa	%	Không bắn nước	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh	-		Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước	-		
e)	Thế tích xả sau + Thế tích xả đầy thực tế	Lít	7,0	-
	+ Thế tích xả sau	Lít	2,9	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bệ xi bột kiểu loại CL1-7A.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910054
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2490-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BỒN CẦU MỘT KHỐI CL/BC21, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (700x370x650) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
03.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu sứ bột còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P=4kN$; $t=01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bể xi	cm ²	100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
b)	Xả 50 viên bi nhựa	%	Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh	-	Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước	-	5,0	-
e)	Thử tích xả sau + Thử tích xả đầy thực tế	Lít	2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020
	+ Thử tích xả sau	Lít		

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bể xi bột kiểu loại CL1-5A.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2491-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BỒN CẦU MỘT KHÓI CL/BC22, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (685x380x775) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
04.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu:
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu xi bết còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) $(P=4kN; t=01 \text{ giờ})$ -	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020		
a)	Rửa sạch lòng bể xi cm^2		0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50\text{cm}^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
b)	Xả 50 viên bi nhựa %		100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh -		Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước -		Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
e)	Thể tích xả sau + Thể tích xả đầy thực tế Lít		7,0	-
	+ Thể tích xả sau Lít		2,8	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bệ xi bết kiểu loại CL1-7A.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH**

Hà Phước Thanh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngõ Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2492-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BÀN CẦU ĐIỆN CL/BC23, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (680x420x520) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
05.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu sứ bột còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P = 4kN$; $t = 01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bề mặt			
b)	Xả 50 viên bi nhựa		100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh		Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước		Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
e)	Thử tích xả sau + Thử tích xả đầy thực tế	Lít	5,0	-
	+ Thử tích xả sau	Lít	2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bề mặt sứ bột kiểu loại CL2-5.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2493-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BÀN CẦU ĐIỆN CL/BC24, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (680x395x515) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
06.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu.
4. Tình trạng mẫu: Mẫu là 01 mẫu xi măng còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
5. Khách hàng: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
6. Địa chỉ: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) $(P=4kN; t=01 \text{ giờ})$ -	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bề xi cm^2			
b)	Xả 50 viên bi nhựa %		100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh -		Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước -		Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
e)	Thử tích xả sau			
+ Thử tích xả đầy thực tế Lít			5,0	-
+ Thử tích xả sau Lít			2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bề xi bột kiểu loại CL2-5.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2494-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BỒN CẦU ĐIỆN CL/BC25, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (680x420x520) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
07.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: Mẫu là 01 mẫu xí bột còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
4. Tình trạng mẫu: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
5. Khách hàng: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
6. Địa chỉ: Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P = 4kN$; $t = 01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bể xí cm^2			
b)	Xả 50 viên bi nhựa %		100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh -		Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước -		Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
e)	Thử tích xả sau			
	+ Thử tích xả đầy thực tế Lít		5,0	-
	+ Thử tích xả sau Lít		2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bệ xí bột kiểu loại CL2-5.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2495-K4/1660/KT2-HC2

Ngày: 09/4/2025

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **BÀN CẦU ĐIỆN CL/BC26, NHÃN HIỆU: CASALUX, CHẤT LIỆU SỨ, KÍCH THƯỚC: (700x390x450) mm**
(Tên Công ty/Tổ chức: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI PHÚC HƯNG THỊNH
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Đơn vị sản xuất: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO., LTD
Địa chỉ: XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA)
08.26155-QRCM/V1/88287
2. Ký hiệu mẫu: 01 mẫu.
3. Số lượng mẫu: Mẫu là 01 mẫu xi bệt còn nguyên vẹn, chứa trong thùng carton.
4. Tình trạng mẫu: CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL
5. Khách hàng: Số 54, Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
6. Địa chỉ: Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
7. Ngày nhận mẫu: 31/03/2025
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày 01/4/2025 đến ngày 09/4/2025
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU - ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	YÊU CẦU KỸ THUẬT (QCVN 16:2023/BXD)
01	Khả năng chịu tải (Tải trọng tĩnh) ($P=4kN$; $t=01$ giờ)	TCVN 12649:2020	Không nứt vỡ (Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào)	Không xuất hiện bất kỳ vết rạn nứt hoặc biến dạng vĩnh viễn nào
02	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020	0,0 (Thoát sạch hết mùn cưa)	$\leq 50cm^2$ (Điều 5.2.2 - TCVN 12649:2020)
a)	Rửa sạch lòng bệ xí cm^2			
b)	Xả 50 viên bi nhựa %		100	Điều 5.2.4 - TCVN 12649:2020
c)	Xả giấy vệ sinh -		Thoát hết giấy	Điều 5.2.3 - TCVN 12649:2020
d)	Thử bắn nước -		Không bắn nước	Điều 5.2.5 - TCVN 12649:2020
e)	Thế tích xả sau + Thế tích xả đầy thực tế Lít		5,0	-
	+ Thế tích xả sau Lít		2,5	Điều 5.2.6 - TCVN 12649:2020

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 12649:2020; Bệ xí bệt kiểu loại CL2-5.

Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2.
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH

Hà Phước Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGO THỊ NHƯ LOAN



GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO.,LTD

XIECUOFEN FUZHONG VILLAGE GUXIANG TOWN CHAOAN DISTRICT CHAOZHOU, CHINA. TEL:0768-6933555

PACKING LIST

TO: PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY
SUB-QUARTER 4, THANH NHAT WARD, BUON MA THUOT
CITY, DAK LAK PROVINCE, VIETNAM
TAX CODE: 6001386364
REPRESENTED BY: MR.DUONG HIEN QUANG-DIRECTOR
TELL: +84 947 69 05 06 (MR. QUANG DUONG) / +84 935 75 08
08 (MS. DUNG DUONG)

NUMBER: ZRC250405

DATE: May.8,2025

LOADING PORT: SHEKOU,CHINA

DISCHARGE PORT: HO CHI MINH, VIETNAM

CONTAINER/SEAL: EGSU3568095/EMCJHX4474

MARK & NUMBER	DESCRIPTION	PCS	CTNS	G.W./KGS	N.W./KGS
MADE IN CHINA	SANITARY WARE, ELECTRIC TOILET				
	CL/BC19-ONE PIECE TOILET	10	10	530.0	510.0
	CL/BC21-ONE PIECE TOILET	5	5	270.0	260.0
	CL/BC22-ONE PIECE TOILET	3	3	156.0	150.0
	CL/BC23-ELECTRIC TOILET	30	30	1350.0	1260.0
	CL/BC24-ELECTRIC TOILET	30	30	1200.0	1110.0
	CL/BC25-ELECTRIC TOILET	30	30	1200.0	1110.0
	CL/BC26-ELECTRIC TOILET	30	30	1320.0	1230.0
TOTAL		138	138	6026	5630



BẢN SAO



SALES CONTRACT

No.: PHT-CC 02/25

Date: 08 April 2025

THE SELLER: GUANGDONG ZHIRU TECHNOLOGY CO.,LTD

ADD: XIECUOFEN, FUZHONG VILLAGE, GUXIANG TOWN, CHAO'AN
DISTRICT, CHAOZHOU CITY, GUANGDONG, CHINA

Represented by: ZHIRU CAI- Director

THE BUYER: PHUC HUNG THINH TRADING JOINT STOCK COMPANY

Sub-quarter 4, Thanh Nhat Ward, Buon Ma Thuot city, Dak Lak Province
VIETNAM

Represented by: Mr. Duong Hien Quang - Director

This contract is made by and between the Buyer and the Seller, whereby the Buyer agrees to buy and the Seller agrees to sell the commodities on terms and conditions as follows:

1. COMMODITIES AND CONTRACT VALUE

NO	PRODUCT CODE	PRODUCT NAME	UNIT	QUANTITY	PRICE (USD/FOB)	AMOUNT (USD/FOB)
1	CL/BC19	One piece toilet	pcs	10	44.0	440.0
2	CL/BC21	One piece toilet	pcs	5	43.5	217.5
3	CL/BC22	One piece toilet	pcs	3	42.5	127.5
4	CL/BC23	Electric toilet	pcs	30	97.0	2910.0
5	CL/BC24	Electric toilet	pcs	30	127.0	3810.0
6	CL/BC25	Electric toilet	pcs	30	101.0	3030.0
7	CL/BC26	Electric toilet	pcs	30	116.0	3480.0
		TOTAL				14015

(Says: Fourteen thousand and fifteen US dollars.)

TRADE TERM: FOB SHENZHEN (INCOTERMS 2020)

ARTICLE 2: Quality – Packing – Markings

1. Quality : Export standard
2. Packing : In accordance with export standard seaworthy by container
3. Shipping mark : No mark

ARTICLE 3: Shipment – Delivery terms

1. Term of delivery : FOB SHENZHEN (INCOTERMS 2020)
2. Port of loading : Shekou Port, China
3. Mode of delivery : by sea



